

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/DSST

Ngày 17-11-2022

“ V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vững – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 07 năm 2022, về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXXST-DS ngày 04-10-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐXXST-DS ngày 24-10-2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1963 - Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1963 - Địa chỉ: Số 180/17 B, P. B, TP. V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956 - Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (có mặt).

- Bà Trịnh Thị Hồng N - Địa chỉ: Số 180/17 B, P. B, TP. V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày nội dung vụ kiện và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Do mối quan hệ quen biết nên vào ngày 30-06-2020, bà và ông Trịnh Văn L đã ký kết Hợp đồng vay tiền do Văn phòng công chứng Lam Sơn, tỉnh lộ 52, khu phố Hiệp Hòa, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng số 798 (viết tắt là Hợp đồng 798) và Hợp đồng vay tiền do Văn phòng công chứng Lam Sơn, tỉnh lộ 52, khu phố Hiệp Hòa, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng số 799 (viết tắt là Hợp đồng 799).

Nội dung tại Hợp đồng 798, bà và ông L thỏa thuận: Bà cho ông L vay số tiền gốc 620.000.000 đồng, lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước (tính lãi suất là 08%/ 1 năm, 0,666%/1 tháng), không thế chấp tài sản, mục đích để kinh doanh, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 30-06-2020.

Nội dung tại Hợp đồng 799, bà và ông L thỏa thuận: Bà cho ông L vay số tiền gốc 1.450.000.000 đồng, lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước (tính lãi suất là 08%/ 1 năm, 0,666%/1 tháng), không thế chấp tài sản, mục đích để kinh doanh, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 30-06-2020.

Dù đến hạn thanh toán nhưng ông L chưa thanh toán bất cứ khoản tiền gốc và tiền lãi cho bà. Khi bà yêu cầu ông L thanh toán tiền gốc và tiền lãi thì ông L tiếp tục trình bày hoàn cảnh kinh doanh khó khăn và muốn vay thêm tiền của bà để mở phòng công chứng tại huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Do tin tưởng việc ông L cam kết khi công việc kinh doanh thuận lợi sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi, nên bà đồng ý tiếp tục cho ông L vay thêm tiền.

Vì vậy, ngày 08-11-2021 bà cùng chồng là ông Nguyễn Văn T và ông Trịnh Văn L đã ký kết Hợp đồng vay tiền do Văn phòng công chứng Trần Văn Thực tại địa chỉ tỉnh lộ 52, khu phố Hiệp Hòa, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng số 7008 (viết tắt là Hợp đồng 7008). Nội dung tại Hợp đồng 7008, bà cùng ông T và ông L thỏa thuận: Bà và ông T cho ông L vay số tiền gốc 600.000.000 đồng, lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước (tính lãi suất là 08%/ 1 năm, 0,666%/1 tháng), không thế chấp tài sản, mục đích để kinh doanh, thời hạn vay 10 ngày kể từ ngày 08-11-2021.

Tuy nhiên ông L không giữ lời hứa, còn tránh mặt khiến bà không trực tiếp gặp được ông L để đòi nợ. Bà đã làm đơn gửi các cơ quan chức năng Công an tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, Công an huyện Đất Đỏ, Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu tố cáo hành vi cố ý của ông L không trả nợ cho bà. Nhưng do Công an huyện Đất Đỏ có văn bản trả lời bà xác định việc ký kết Hợp đồng vay tiền giữa bà và ông L là tranh chấp dân sự nên bà khởi kiện tranh chấp tại Tòa án.

Bà xác định cho đến nay ông L vẫn chưa trả cho bà và ông T bất cứ khoản tiền vay nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay Bà H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu giải quyết các yêu cầu cụ thể như sau:

1/ Bà H xác định bà và ông T là vợ chồng hợp pháp, tổng số tiền nợ gốc 2.070.000.000 đồng bà cho ông L vay tại Hợp đồng 798 và Hợp đồng 799 ngày 30-06-2020 là tài sản chung của bà và ông T. Bà H yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc nêu trên trong thời hạn 24 tháng (tính từ ngày 30-06-2020 đến ngày 30-06-2022), lãi suất là 0,666%/1 tháng là 330.868.800 đồng (2.070.000.000 đồng x lãi suất là 0,666%/1 tháng x 24 tháng). Bà H chỉ yêu cầu ông L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc 2.070.000.000 đồng và nợ lãi 330.868.800 đồng này cho bà và ông T, không yêu cầu bà Trịnh Thị Hồng N phải thực hiện nghĩa vụ này cùng với ông L.

2/ Bà H xác định tổng số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng bà và ông T cho ông L vay tại Hợp đồng 7008 ngày 08-11-2021 là tài sản chung của bà và ông T. Bà H yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc nêu trên thời hạn 12 tháng (tính từ ngày 08-11-2021 đến ngày 08-11-2022), lãi suất là 0,666%/1 tháng) là 47.952.000 đồng (600.000.000 đồng x lãi suất là 0,666%/1 tháng x 12 tháng). Bà H chỉ yêu cầu ông L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc 600.000.000 đồng và nợ lãi 47.952.000 đồng này cho bà và ông T, không yêu cầu bà Trịnh Thị Hồng N phải thực hiện nghĩa vụ này cùng với ông L.

Bà H không yêu cầu ông L thanh toán tiền lãi phát sinh tính theo nợ gốc của các Hợp đồng 798 và Hợp đồng 799 từ sau ngày 30-06-2022, không yêu cầu ông L thanh toán tiền lãi phát sinh tính theo nợ gốc của Hợp đồng 7008 từ sau ngày 08-11-2022.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T trình bày nội dung vụ kiện và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Ông T đồng ý với các ý kiến và các yêu cầu mà Bà H trình bày, ông không bổ sung ý kiến gì thêm, đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu Bà H đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến :

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trịnh Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Hồng N không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt không có lý do chính đáng.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa, xem xét thấy các ý kiến trình bày của nguyên đơn và người liên quan ông T về chứng cứ các hợp đồng vay tiền và số tiền cho vay đã phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, nên các yêu cầu của nguyên đơn và người liên quan ông T có căn cứ pháp luật.

Bà Hương và ông T không yêu cầu người liên quan bà Trịnh Thị Hồng N phải thực hiện nghĩa vụ đối với khoản nợ của bị đơn; nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc bị đơn ông L có nghĩa vụ thanh toán đối với ba hợp đồng vay nêu trên cho nguyên đơn và người liên quan ông T tổng tiền nợ gốc là 2.670.000.000 đồng và tổng nợ lãi là 378.820.800 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 429, 463 Bộ luật dân sự; xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; đảm bảo đúng thời hiệu khởi kiện về hợp đồng; thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo loại vụ việc, lãnh thổ và Tòa án nhân dân cấp huyện.

Quyền yêu cầu phản tố của bị đơn, quyền yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án được đảm bảo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Trọng là người cao tuổi thuộc đối tượng được quyền trợ giúp pháp lý nên Tòa án đã giải thích về quyền này cho ông T biết rõ nhưng ông T không yêu cầu thực hiện quyền này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp pháp các văn bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn ông Trịnh Văn L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Hồng N để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nhưng ông L, Bà N vắng mặt theo tất cả các giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trịnh Văn L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Hồng N.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về hình thức của các Hợp đồng vay tiền:

Xét các Hợp đồng vay tiền 798, 799 được ký kết giữa Bà H và ông L; Hợp đồng vay tiền 7008 được ký kết giữa Bà H, ông T và ông L được lập thành văn bản và được công chứng, chứng nhận chữ ký trong các hợp đồng vay tiền đúng là chữ ký

của bị đơn ông Trịnh Văn L, chứng minh việc xác lập quyền và nghĩa vụ dân sự của các đương sự theo quy định tại Điều 385 Bộ luật dân sự.

[2.2]. Về nội dung của Hợp đồng vay tiền:

Khi các đương sự ký kết các Hợp đồng vay tiền 798, 799, 7008; các đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; tham gia giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện; mục đích của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy các Hợp đồng vay tiền 798, 799, 7008 đều là những giao dịch dân sự hợp pháp. Do ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn, nên Bà H có quyền yêu cầu ông L phải trả lại tài sản theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2.3]. Xem xét đối với bị đơn thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trịnh Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Hồng N đã được thông báo đầy đủ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng ông L và Bà N không thể hiện ý kiến và yêu cầu gì gửi đến Tòa án.

[2.4]. Xem xét các yêu cầu của nguyên đơn Bà H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T thấy rằng:

Do ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn, nên Bà H và ông T có quyền yêu cầu ông L phải trả lại tài sản theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Xét các đương sự khi ký kết các Hợp đồng vay tiền 798, 799, 7008 tự nguyện thỏa thuận lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước, theo lời khai của nguyên đơn Bà H xác định mức lãi suất các bên đã thỏa thuận là 08%/ 1 năm, tức 0,666%/1 tháng. Căn cứ theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay. Vì vậy, Bà H và ông T chỉ yêu cầu tính lãi suất 08%/năm của khoản tiền vay là đúng pháp luật.

Bà H và ông T không yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Hồng N phải thực hiện nghĩa vụ đối với khoản nợ của các hợp đồng vay tiền nêu trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà H không yêu cầu ông L thanh toán tiền lãi phát sinh tính theo nợ gốc của các Hợp đồng 798 và Hợp đồng 799 từ sau ngày 30-06-2022, không yêu cầu ông L thanh toán tiền lãi phát sinh tính theo nợ gốc của Hợp đồng 7008 từ sau ngày 08-11-2022, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan, công khai toàn bộ các tài liệu, chứng cứ của vụ án, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của nguyên đơn Bà H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T có căn cứ pháp luật, nên chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của Bà H và ông T.

Buộc bị đơn ông L có nghĩa vụ thanh toán đối với ba hợp đồng vay nêu trên cho Bà H và ông T tổng tiền nợ gốc là 2.670.000.000 đ (hai tỷ sáu trăm bảy mươi

triệu đồng) và nợ lãi là 378.820.800 đồng (ba trăm bảy mươi tám triệu tám trăm hai mươi ngàn tám trăm đồng).

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản tranh chấp (tranh chấp từ trên 2.000.000.000 đ đến 4.000.000.000 đ, danh mục án phí là 72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 2.000.000.000 đồng).

- Trả lại nguyên đơn Bà H số tiền tạm ứng án phí 46.400.000 đ (bốn mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Trọng đối với ông Trịnh Văn L về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc ông Trịnh Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn Trọng tổng số tiền nợ gốc 2.670.000.000 đ (hai tỷ sáu trăm bảy mươi triệu đồng) và tổng tiền nợ lãi 378.820.800 đồng (ba trăm bảy mươi tám triệu tám trăm hai mươi ngàn tám trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Trịnh Văn L phải nộp án phí dân sự số tiền 92.976.000 đồng (chín mươi hai triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

- Trả lại bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí 46.400.000 đ (bốn mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002949 ngày 26-07-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lương Thị Thanh Hảo